

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 249 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 11 năm 2022

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SONADEZI AN BÌNH

CÔNG:  
VĂN  
ĐẾNSố: 426  
Ngày: 01/11/2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;**Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;**Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 195/CV-SZA-PKD ngày 16 tháng 5 năm 2022 và các Văn bản số 339/CV-SZA-PKD ngày 18 tháng 8 năm 2022; văn bản số 377/CV-SZA-PKD ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Suối Tre, quy mô 151,7979 ha" tại phường Suối Tre và phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 765/TTr-STNMT ngày 14 tháng 10 năm 2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình, địa chỉ trụ sở chính: số 113-116 lô C2, đường 9, Khu dân cư An Bình, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Suối Tre, quy mô 151,7979 ha" tại phường Suối Tre và phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Suối Tre.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Suối Tre và phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 47221000921 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2012.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 3600449307 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 10 tháng 5 năm 2021.

1.4 Mã số thuế: 3600449307.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp.

- Công nghiệp chế biến, chế tạo: Sản xuất chế biến thực phẩm; Dệt; Sản xuất trang phục; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không sản xuất bột giấy); Sản xuất sản phẩm mỹ phẩm, chất tẩy rửa và chế phẩm sinh học (chỉ pha chế, trộn, không phát sinh nước thải công nghiệp), trừ ngành sản xuất xà phòng; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm khác khoáng phi kim loại khác; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; Sản xuất xe có động cơ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị.

- Cung cấp nước, hoạt động quản lý rác thải, nước thải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích Khu công nghiệp: 151,7979 ha, trong đó bao gồm phần diện tích đất lập quy hoạch là 147,0752 ha; diện tích đất hành lang lưới điện cao thế là 2,7889 ha; diện tích đất đường Lê A là 1,9338 ha.

- Quy mô: Cơ sở nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 11 tháng 11 năm 2022 đến ngày 11 tháng 11 năm 2029).

Kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực, Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 3852/GXN-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2013 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3736/GP-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Long Khánh;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



## Phụ lục 1

# YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 249/GPMT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Suối Tre và khu nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Suối Tre.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Suối Tre.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn vào suối Chồn (tại phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai), sau đó chảy ra suối Cái, suối Tam Bung và chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông La Ngà (đoạn thuộc xã Túc Trung, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai).

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X = 1211048; Y = 444154.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $2.300 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 40:2011/BTNMT (cột A),  $K_q = 0,9$ ;  $K_r = 1,0$ ; cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A ( $K_q = 0,9$ ; $K_r = 1,0$ )	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40		Có
2	pH	-	6 - 9		Có
3	Độ màu	Pt-Co	50		-
4	BOD <sub>5</sub> (20 $^{\circ}\text{C}$ )	mg/l	27		-
5	COD	mg/l	67,5		Có
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		Có

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A ( $K_q = 0,9$ ; $K_f = 1,0$ )	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục	
7	Asen	mg/l	0,045	03 tháng/lần	-	
8	Thủy ngân	mg/l	0,0045		-	
9	Chì	mg/l	0,09		-	
10	Cadimi	mg/l	0,045		-	
11	Crom (VI)	mg/l	0,045		-	
12	Crom (III)	mg/l	0,18		-	
13	Đồng	mg/l	1,8		-	
14	Kẽm	mg/l	2,7		-	
15	Niken	mg/l	0,18		-	
16	Mangan	mg/l	0,45		-	
17	Sắt	mg/l	0,9		-	
18	Tổng xianua	mg/l	0,063		-	
19	Tổng phenol	mg/l	0,09		-	
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		-	
21	Sunfua	mg/l	0,18		-	
22	Florua	mg/l	4,5		-	
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		Có	
24	Tổng nitơ	mg/l	18		-	
25	Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/l	3,6		-	
26	Clorua	mg/l	450		-	
27	Clo dư	mg/l	0,9		-	
28	Coliform	MPN/100ml	3.000		-	
29	Các thông số còn lại tại Bảng 1 - QCVN 40:2011/BTNMT phải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A ( $K_q = 0,9$ ; $K_f = 1,0$ ), gồm: Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ, Tổng PCB, Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$ , Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$ .					

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ 17 doanh nghiệp đang hoạt động trong Khu công nghiệp Suối Tre (17 hố ga) với lưu lượng khoảng 721 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom về hồ thu gom nước thải tập trung KCN, sau đó phân phối về hệ thống xử lý nước

thải tập trung Khu công nghiệp - giai đoạn 1, công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày và hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp - giai đoạn 2, phân kỳ 1 công suất 1.300 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Mạng lưới thu gom nước thải bố trí dọc các tuyến đường của Khu công nghiệp để thu gom toàn bộ nước thải từ các doanh nghiệp và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, cống thoát nước thải của Khu công nghiệp Suối Tre là cống bê tông cốt thép kín Ø300, Ø400, Ø600 và ống nhựa PVC D168, D300, tổng chiều dài hệ thống thu gom nước thải trong Khu công nghiệp Suối Tre khoảng 5.531 m.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế theo phương thức tự chảy, hướng thoát nước được thiết kế theo độ dốc đường giao thông.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Tre giai đoạn 1, công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày: Nước thải đầu vào → Bể thu gom → Bể cân bằng → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Aeroten → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 1 (bể khử trùng giai đoạn 1 cũ) → Bể trung gian (xây dựng mới) → Bể khử màu → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Mương quan trắc (đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A),  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,0$ ).

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Tre giai đoạn 2 – phân kỳ 1, công suất 1.300 m<sup>3</sup>/ngày: Nước thải đầu vào → Bể thu gom (sử dụng chung hệ thống giai đoạn 1) → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung hòa → Bể Anoxic (B) → Bể Aeroten (B) → Bể lắng sinh học (B) → Bể khử màu → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Mương quan trắc (đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A),  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,0$ ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Polymer A: 0,0003 kg/m<sup>3</sup>; Polyme C: 0,0005 kg/m<sup>3</sup>; Chlorine 70%: 0,01 kg/m<sup>3</sup>; Phèn nhôm Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub> 7,5%: 0,03 kg/m<sup>3</sup>; Mật ri: 0,005 kg/m<sup>3</sup>; DAP: 0,0002 kg/m<sup>3</sup>.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Thuộc đối tượng phải lắp đặt. Công ty cam kết thực hiện lắp đặt trạm trong quý 4/2022 theo Văn bản số 650/SNZ-DAKD ngày 18/11/2021 của Tổng Công ty Sonadezi. Hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đầu tư lắp đặt trạm đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo cháy tại các khu vực nhà điều hành, công trình phụ trợ của Khu công nghiệp; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Thường xuyên kiểm tra đường hệ thống thu gom, thoát nước thải tránh tình trạng bị tắc nghẽn, rò rỉ; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên

đường ống thoát nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ 02 lần/năm.

- Có phương án thu gom nước về hồ sự cố dung tích chứa 5.271,4 m<sup>3</sup> đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp phép môi trường ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp - giai đoạn 2, phân kỳ 1 công suất 1.300 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của các cơ sở trong Khu công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Thực hiện lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo cam kết của Công ty tại Văn bản số 650/SNZ-DAKD ngày 18/11/2021 và theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn quy định, tuyệt đối không xả nước thải chưa qua xử lý hoặc không đạt







## Phụ lục 2

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 249/GPMT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

- Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh đảm bảo quy chuẩn môi trường quy định.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải ra môi trường.



### Phụ lục 3

## **BAO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 249/GPMT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

#### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Suối Tre.

- Tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Suối Tre (từ quá trình vận hành máy thổi khí, bơm,...).

#### **2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Tiếng ồn phát sinh từ khu vực nhà đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Suối Tre.

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X = 1211153; Y = 443936.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

#### **3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung: Không phát sinh.

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

#### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Trồng và chăm sóc cây xanh tập trung, cây xanh cách ly xung quanh Khu công nghiệp nhằm tạo khoảng cách ly giúp giảm thiểu sự lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt; Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đảm bảo máy thổi khí, máy bơm,... tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tra dầu nhớt đầy đủ theo đúng hướng dẫn sử dụng của thiết bị, máy móc.

#### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



#### Phụ lục 4

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 249/GPMT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 28.396 kg/năm.

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	03	KS
2	Bùn nạo vét từ hố ga thu gom nước thải	Rắn/Bùn	11 05 02	1.778	KS
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Suối Tre	Rắn	12 06 05	26.588	KS
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	11	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	01	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	10	KS
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	05	KS
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>28.396</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 18.278 kg/năm.

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn nạo vét từ các hố ga thoát nước mưa và bùn từ quá trình nạo vét hầm biogas	Rắn/Bùn	11 05 06	18.278	TT-R
<b>TỔNG CỘNG</b>					

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 480 kg/năm

TT	Loại chất thải phát sinh	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải thực phẩm	288
2	Chất thải còn lại	192
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>480</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa loại 120 lít có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 02 kho lưu chứa, 01 kho diện tích 24 m<sup>2</sup> và 01 kho diện tích 60 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Được bố trí bên ngoài nhà xưởng; có tường bao và mái che, nền bằng bê tông cốt thép; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại (CTNH), có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao chứa bằng PP (Polypropylen) loại 01 tấn.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa: diện tích 253,2 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Được bố trí bên ngoài nhà xưởng, có mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa chuyên dụng loại 120 lít có nắp đậy, đặt tại khu vực nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Suối Tre.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Không bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn TCVN 6707:2009 về dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu; sự cố bục vỡ đường ống.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



## Phụ lục 5

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 249/GPMT-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình, bảo đảm các công trình xử lý nước thải hoạt động đúng công suất, hiệu suất xử lý, chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật cho phép.
3. Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.
8. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.
9. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định hiện hành khác có liên quan đến hóa chất.
10. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến

UBND phường Suối Tre, UBND phường Bảo Vinh, UBND thành phố Long Khánh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các cơ quan có liên quan.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.